|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT**  **TỔ XÃ HỘI**  **ĐỀ CHÍNH THỨC**  **Mã đề: 01** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**  **MÔN: ĐỊA LÝ 9**  **Năm học: 2020 - 2021**  **Thời gian: 45 phút** |

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 điểm):** *Ghi lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.*

**Câu 1:** Trong cơ cấu GDP của ngành dịch vụ ở nước ta, nhóm ngành nào có tỉ trọng lớn nhất?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Dịch vụ tiêu dùng | B. Dịch vụ sản xuất |
| C. Dịch vụ công cộng | D. Tỉ trọng tương đương nhau |

**Câu 2**: Ngành dịch vụ nước ta có những đặc điểm nào sau đây?

A. Có tỉ lệ lao động lớn nhất trong các ngành kinh tế

B. Chiếm tỉ trọng còn thấp trong cơ cấu GDP.

C. Tỉ lệ lao động không cao nhưng chiếm tỉ lệ lớn trong cơ cấu GDP.

D. Sử dụng nhiều lao động nhất và chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu GDP.

**Câu 3**: Hoạt động dịch vụ ở nước ta thường tập trung ở những nơi nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Giàu tài nguyên khoáng sản | B. Có nhiều di tích lịch sử văn hóa |
| C. Nhiều làng nghề truyền thống | D. Kinh tế phát triển và đông dân |

**Câu 4:** Những thành phố nào sau đây là trung tâm dịch vụ lớn nhất cả nước?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Hải Phòng, Vinh | B. Huế, Đà Nẵng |
| C. Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh | D. Cần Thơ, Đà Nẵng |

**Câu 5**: Tổng chiều dài đường sắt chính tuyến ở nước ta là bao nhiêu?

|  |  |
| --- | --- |
| A. 2632km | B. 2630km |
| C. 2360km | D. 3260km |

**Câu 6:** Sân bay Cam Ranh thuộc tỉnh nào sau đây?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Khánh Hòa | B. lâm Đồng |
| C. Phú Yên | D. Thừa thiên Huế |

**Câu 7:** Cho bảng số liệu sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **Năm** | **Số thuê bao điện thoại** | **Số thuê bao internet** |
| 2005 | 15845 | 210 |
| 2010 | 124311,1 | 3643,7 |
| 2014 | 142548,1 | 6000,5 |

Để thể hiện tốc độ tăng trưởng số thuê bao điện thoại và internet của nước ta giai đoạn 2005 – 2014, thích hợp nhất là biểu đồ:

|  |  |
| --- | --- |
| A. tròn | B. đường |
| C. kết hợp cột và đường | D. cột |

**Câu 8:** Nhận định nào sau đây **không phải** là thành tựu phát triển của ngành nội thương những năm qua:

|  |  |
| --- | --- |
| A. Cả nước là một thị trường thống nhất. | B. Hàng hóa tự do lưu thông dồi dào, đa dạng |
| C. Hệ thống chợ, siêu thị phát triển. | D. Sức mua của nhân dân tăng lên. |

**Câu 9**: Trong cơ cấu giá trị hàng hóa xuất khẩu của nước ta, chiếm tỉ trọng cao nhất là:

|  |  |
| --- | --- |
| A. Hàng công nghiệp năng, khoáng sản. | B. Hàng công nghiệp nhẹ, tiểu thủ công nghiệp |
| C. Hàng nông, lâm, thủy sản. | D. Các hàng hóa xuất khẩu khác. |

**Câu 10**: Điểu kiện nào sau đây **không làm** cho Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh trở thành các trung tâm thương mại dịch vụ lớn nhất cả nước

A. Hai thành phố đều nằm ở trung tâm của vùng kinh tế trọng điểm.

B. Đây là hai trung tâm công nghiệp lớn nhất cả nước.

C. Có lịch sử phát triển thương mại lớn nhất nước ta

D. Tốc độ tăng trưởng thương mại cao, hoạt động thương mại đa dạng.

**Câu 11:** Tỉnh nào sau đây ở trung du và miền núi Bắc Bộ giáp biển?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Bắc Giang | B. Lạng Sơn |
| C. Quảng Ninh | D. Thái Nguyên |

**Câu 12**: Tiểu vùng Tây Bắc của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ chủ yếu có khí hậu:

|  |  |
| --- | --- |
| A. nhiệt đới ẩm, mùa đông ít lạnh | B. nhiệt đới ẩm, mùa đông lạnh nhất nước ta |
| C.cận xích đạo ẩm gió mùa | D. nhiệt đới ẩm, nóng quanh năm. |

**Câu 13**: Địa hình của Trung du và miền núi Bắc Bộ chủ yếu là:

|  |  |
| --- | --- |
| A. đồi núi | B. đồng bằng |
| C.cao nguyên | D. bán bình nguyên. |

**Câu 14**: Tiểu vùng Đông bắc thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ **không** có thế mạnh kinh tế nào sau đây?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Phát triển nhiệt điện | B. Khai thác khoáng sản |
| C.Chăn nuôi bò sữa quy mô lớn | D. Nuôi trồng, đánh bắt hải sản. |

**Câu 15:** Đô thị nào sau đây được thành lập từ năm 1010, nay là thủ đô Hà Nội?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Cổ Loa | B. Phú Xuân |
| C. Phố Hiến | D. Thăng Long |

**Câu 16**: Thành phố nào sau đây ở đồng bằng sông Hồng được mệnh danh là thành phố Cảng

|  |  |
| --- | --- |
| A. Thái Bình | B. Nam Định |
| C. Hải Phòng | D. Ninh Bình |

**Câu 17 :** Nguyên nhân đồng bằng sông Hồng có năng suất lúa cao nhất cả nước là :

|  |  |
| --- | --- |
| A. Trình độ thâm canh cao nhất nước. | B. Mở rộng diện tích canh tác cây lúa |
| C. Đất phù sa mãu mỡ, khí hậu thuận lợi | D. Thị trường tiêu thụ rộng lớn. |

**Câu 18:** Ngành nào **không** là ngành công nghiệp trọng điểm của vùng đồng bằng sông Hồng

|  |  |
| --- | --- |
| A. Chế biến lương thực thực phẩm | B. Sản xuất hàng tiêu dùng |
| C. Sản xuất vật liệu xây dựng | D. Năng lượng |

**Câu 19**: Đồng bằng sông Hồng có mật độ dân số:

|  |  |
| --- | --- |
| A. thấp hơn cả nước | B. cao nhất cả nước |
| C. thấp hơn vùng Đông Nam Bộ | D. thấp hơn vùng đồng bằng sông Cửu Long. |

**Câu 20:** Điều kiện nào sau đây ở đồng bằng sông Hồng phát triển vụ đông thành vụ chính

|  |  |
| --- | --- |
| A. địa hình bằng phẳng | B. mạng lưới sông ngòi dày đặc |
| C. đất phù sa sông có độ phì cao | D. khí hậu nhiệt đới ẩm có mùa đông lạnh. |

**II. PHẦN TỰ LUẬN (5 điểm)**

**Câu 1 (2 điểm):** Trình bày tình hình phát triển ngành nông nghiệp ở vùng kinh tế Bắc Trung Bộ?

**Câu 2 (2 điểm):** So sánh sự khác biệt về điều kiện tự nhiên và thế mạnh kinh tế của tiểu vùng Đông Bắc với tiểu vùng Tây Bắc ?

**Câu 3 (1.0 điểm):** Internet phát triển mạnh mẽ đã tác động thế nào đến đời sống của con người?

*------------------Hết-----------------*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT**  **TỔ XÃ HỘI**  **ĐỀ CHÍNH THỨC**  **Mã đề: 01** | **ĐẤP ÁN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**  **MÔN: ĐỊA LÝ 9**  **Năm học: 2020 - 2021**  **Thời gian: 45 phút** |

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 điểm):** *Mỗi câu trả lời đúng được 0.25 điểm*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu**  **Mã đề** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **01** | A | C | D | C | A | A | B | C | B | B |
| **02** | D | C | A | C | A | B | A | B | C | B |
| **03** | C | A | B | D | C | A | A | C | A | A |
| **04** | B | B | D | A | D | D | C | C | A | B |
|  | | | | | | | | | | |
| **Câu**  **Mã đề** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
| **01** | C | A | A | C | D | C | A | D | B | D |
| **02** | C | A | A | C | D | C | B | D | A | D |
| **03** | C | B | C | B | B | D | A | D | D | C |
| **04** | D | C | A | A | C | A | A | C | B | C |

**II. PHẦN TỰ LUẬN (5 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **1** | **Tình hình phát triển ngành nông nghiệp ở vùng kinh tế Bắc Trung Bộ:**  - Bình quân lương thực có hạt thấp: 333.7kg/người (2002).  - Nơi sản xuất lúa chủ yếu là dải đồng bằng ven biển Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh.  - Vùng đất cát pha duyên hải: trồng cây công nghiệp hàng năm  - Gò đồi phía tây : trồng cây ăn quả, cây công nghiệp lâu năm, chăn nuôi trâu bò đàn.  - Phía Đông: phát triển nghề nuôi trồng đánh bắt thủy sản.  - Phát triển nghề trồng rừng, xây dựng hồ chứa nước tại các mô hình nông – lâm ngư nghiệp nhằm giảm thiên tai, bảo vệ môi trường  - Khó khăn: thiên tai, bão lũ, thiếu nước mùa khô | **2 điểm**  **0.25 điểm**  **0.25 điểm**  **0.25 điểm**  **0.25 điểm**  **0.25 điểm**  **0.5 điểm**  **0.25 điểm** |
| **2** | **So sánh sự khác biệt về điều kiện tự nhiên và tình hình phát triển kinh tế của tiểu vùng Đông Bắc và tiểu vùng Tây Bắc**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Tiểu vùng Tây Bắc** | **Tiểu vùng Đông Bắc** | | **Điều kiện tự nhiên** | - Núi trung bình, núi thấp, núi hình cánh cung: sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều  - Khí hậu nhiệt đới ẩm có mùa đông lạnh. | - Núi cao, hiểm trở  - Khí hậu nhiệt đới ẩm, mùa đông ít lạnh hơn | | **Thế mạnh kinh tế** | - Phát triển thủy điện: Hòa Bình, Sơn La…  - Trồng rừng, cây công nghiệp lâu năm, chăn nuôi gia súc lớn | - Khai thác khoáng sản: than, sắt, chì, kẽm…  - Phát triển nhiệt điện.  -Trồng rừng, cây dược liệu, cây rau quả…  - Du lịch sinh thái  - Phát triển kinh tế biển: du lịch, nuôi trồng đánh bắt thủy sản | | **2 điểm**  **0.5 điểm**  **0.25 điểm**  **0.25 điểm**  **0.25 điểm**  **0.25 điểm**  **0.25 điểm**   * 1. **điểm** |
| **3** | **Internet phát triển đã tác động mạnh mẽ đến đời sống con người**   * *Tích cực:*   *+* Rút ngắn khoảng cách, giúp con người liên lạc với nhau thuận tiện hơn  + Tìm kiếm thông tin dễ dàng, góp phần nâng cao hiểu biết của con người, mở ra nhiều cơ hội học tập, trao đổi giao lưu văn hóa, kinh tế  - Hạn chế:  + Trẻ em dễ sa đà vào nghiện game online, mạng xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe, học tập, đạo đức con người.  + Không giám sát chặt chẽ, giới trẻ dễ bị ảnh hưởng xấu bởi kênh thông tin lệch lạc, thiếu lành mạnh trên mạng xã hội. | **1 điểm**  **0.25 điểm**  **0.25 điểm**  **0.25 điểm**  **0.25 điểm** |